



12	958	Lucacioni Roberto	JMS Performance	ROU	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	6	10	13	NP	NP	NP	NP	NP	NP	29	29
----	-----	-------------------	-----------------	-----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----	---	----	----	----	----	----	----	----	----	----	----

## SERIA ROTAX MAX CHALLENGE 2018

### CLASA MINI MAX

Loc	Numar pilot	Nume Pilot	Clubul sportiv	Nat.	ET1 MC	ET1 F1	ET1 F2	ET2 MC	ET2 F1	ET2 F2	ET3 MC	ET3 F1	ET3 F2	ET4 MC	ET4 F1	ET4 F2	ET5 MC	ET5 F1	ET5 F2	ET 6 MC	ET6 F1	ET6 F2	Total Puncte	Puncte retinute
1	422	Lazarescu Paul	Road Runner Racing	ROU	6	13	20	10	20	20	10	25	25	9	25	20	7	10	11	9	20	20	280	253
2	428	Patru Mircea Marco	Performance	ROU	5	10	11	5	11	4	6	10	11	4	16	25	10	25	25	10	25	25	238	220
3	435	Dezso Istvan	Red Motor	ROU	9	16	9	9	13	25	9	20	20	10	20	16	9	13	16	7	13	13	247	218
4	442	Kiss David	Red Motor	ROU	7	20	16	7	16	7	7	13	13	3	8	10	6	20	20	8	16	16	213	195
5	443	Cascaval Darius	Road Runner Racing	ROU	4	8	8	2	9	11	8	16	16	7	11	9	4	9	8	NP	NP	NP	130	130
6	487	Brezina Eduard	Red Motor	ROU	10	11	13	6	8	16	NP	NP	NP	8	13	13	6	11	10	NP	NP	NP	125	125
7	438	Niculescu Darius	Road Runner Racing	ROU	8	25	25	8	25	13	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	104	104
8	417	Banica Andrei	Road Runner Racing	ROU	3	7	7	4	7	10	4	8	9	5	9	11	3	8	7	NP	NP	NP	102	102
9	488	Wolter Alexandru	Road Runner Racing	ROU	1	6	0	0	6	8	2	7	8	2	7	7	5	7	9	6	11	11	103	97
10	412	Marisca Marc	CSSK	ROU	NP	NP	NP	NP	NP	NP	5	11	7	6	10	8	8	16	13	NP	NP	NP	84	84
11	418	Mihai Denis Constantin	Road Runner Racing	ROU	2	9	10	3	10	5	3	9	10	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	61	61
12	406	Bota Darius	Road Runner Racing	ROU	NP	NP	NP	0	4	9	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	13	13
13	409	Soos Horteza Albert Istvan	Road Runner Racing	ROU	NP	NP	NP	1	5	6	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	12	12

### CLASA JUNIOR MAX

Loc	Numar pilot	Nume Pilot	Clubul sportiv	Nat.	ET1 MC	ET1 F1	ET1 F2	ET2 MC	ET2 F1	ET2 F2	ET3 MC	ET3 F1	ET3 F2	ET4 MC	ET4 F1	ET4 F2	ET5 MC	ET5 F1	ET5 F2	ET 6 MC	ET6 F1	ET6 F2	Total Puncte	Puncte retinute
1	670	Melzer Tim	CSSK	ROU	0	0	0	10	25	25	9	20	20	0	0	0	0	0	0	NP	NP	NP	109	109
2	646	Nicoara Theodor Ioan	Road Runner Racing	ROU	0	0	0	9	13	20	8	16	16	0	0	0	0	0	0	0	0	0	82	82
3	604	Udrescu Liviu Mihai	JMS Performance	ROU	0	0	0	8	20	16	7	13	13	0	0	0	0	0	0	0	0	0	77	77
4	602	Pocol Ionescu Nicolae	Gulstar Racing	ROU	NP	NP	NP	NP	NP	NP	10	25	25	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	60	60
5	655	Scirlet Sebastian	CSSK	ROU	0	0	0	6	11	11	6	11	11	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	56	56
6	626	Bota Marco	Road Runner Racing	ROU	NP	NP	NP	7	16	13	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	36	36
7	618	Serban David	Willi M Sport	ROU	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	0	0	0	NP	NP	NP	NP	NP	NP	0	0

### CLASA SENIOR MAX

Loc	Numar pilot	Nume Pilot	Clubul sportiv	Nat.	ET1 MC	ET1 F1	ET1 F2	ET2 MC	ET2 F1	ET2 F2	ET3 MC	ET3 F1	ET3 F2	ET4 MC	ET4 F1	ET4 F2	ET5 MC	ET5 F1	ET5 F2	ET 6 MC	ET6 F1	ET6 F2	Total Puncte	Puncte retinute
1	712	Stefan Viktor	CSSK	ROU	0	0	0	0	0	0	10	20	11	10	25	25	9	25	25	10	25	25	220	220
2	777	Marchidan Andrei	Tutuian Racing Team	ROU	0	0	0	0	0	0	8	16	25	5	10	13	8	16	20	9	20	20	170	170
3	755	Scirlet Sebastian	CSSK	ROU	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	NP	8	13	11	7	11	13	7	13	13	96	96
4	709	Gavrea Andrei	Road Runner Racing	ROU	NP	NP	NP	0	0	0	6	11	13	6	11	10	NP	NP	NP	6	11	11	85	85

